

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-5-2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tổng Nê

Ông Trần Trọng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* anh Trương Thành T, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Hai bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đặng Thị Mỹ L có lời trình bày:

Chị và anh Trương Thành T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng có hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn, sau đó thì nhiều mâu thuẫn xảy ra, anh T không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và con đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống hơn một năm,

cũng từ đó chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị L khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: có 01 con chung là Trương Đăng Quang P, sinh ngày 08/7/2005 hiện đang sống với chị. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

Bị đơn anh Trương Thành T vắng mặt: Tòa án không thu thập được lời trình bày của anh T.

Tại tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- *Về tố tụng*: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng là bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ L đối với anh Trương Thành T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trương Thành T cư trú tại ấp P, xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Đặng Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trương Thành T trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa vắng mặt không lý do, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T và tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị L là phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ L và anh Trương Thành T đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Mỹ L cho rằng từ đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không quan tâm gia đình

từ nhiều năm qua. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và xin được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mỹ L và anh T đã phát sinh, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2021. Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2023 của Toà án đối với người nhà của anh T cho rằng giữa anh T và chị L đã không còn sống chung từ cuối năm 2021 do anh T và chị L sống không hạnh phúc nên chị L bỏ đi đưa con về cha mẹ ruột sinh sống, Thảo chấp nhận ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án. Tại bản tự khai do người nhà anh T gửi đến Tòa án thì anh T đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Mỹ L. Từ đó xét thấy anh T đã không còn muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị L, tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: có 01 con chung là Trương Đăng Quang P, sinh ngày 08/7/2005 hiện đang sống với chị L, Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi anh chị sống ly thân, cháu P sống chung với chị L được chị chăm sóc chu đáo, theo nguyện vọng của cháu P muốn sống cùng mẹ, do đó yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị L là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị L khai không có nên không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trương Thành T. Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Mỹ L và anh Trương Thành T chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Chị L được quyền tiếp tục nuôi con là Trương Đăng Quang P, sinh ngày 08/7/2005. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị L có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010691 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P1, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thị Tiến